

Số: 826/TB-LTT-TC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2019

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển dụng viên chức năm học 2019 – 2020 (đợt 1)**

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về tuyển dụng, chuyển công tác viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp; Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT- BGDĐT- BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp

lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2010/TT-BNV ngày 11 tháng 9 năm 2010 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

Căn cứ Quyết định số 577-115/QĐ-GDDĐT-TC ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về giao số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kế hoạch số 1818/KH-GDDĐT-TC ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về tuyển dụng viên chức công tác ở các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2019 – 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 782/KH-LTT-TC ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về tuyển dụng viên chức năm học 2019 – 2020;

Nay Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thông báo tuyển dụng viên chức năm học 2019-2020 (đợt 1), như sau:

### **1. Nhu cầu tuyển dụng:**

Để đáp ứng nhân sự phục vụ công tác chuyên môn trong năm học mới và đảm bảo chỉ tiêu biên chế được giao. Nhà trường thông báo tuyển dụng đợt 1 năm học 2019 – 2020 gồm 10 chỉ tiêu biên chế, tại các vị trí việc làm sau:

| <b>TT</b>            | <b>Vị trí việc làm</b> | <b>Nhu cầu tuyển dụng</b> | <b>Trình độ</b>                                |
|----------------------|------------------------|---------------------------|------------------------------------------------|
| <b>I. Giảng viên</b> |                        |                           |                                                |
| 1.                   | Động lực               | 01                        | Đại học chuyên ngành trở lên                   |
| 2.                   | Công nghệ thông tin    | 02                        | Đại học chuyên ngành trở lên                   |
| 3.                   | Xây dựng               | 01                        | Đại học chuyên ngành trở lên                   |
| 4.                   | Kinh tế                | 01                        | Đại học chuyên ngành trở lên                   |
| 5.                   | Anh văn                | 01                        | Đại học chuyên ngành trở lên                   |
| 6.                   | Giáo dục thể chất      | 01                        | Đại học chuyên ngành trở lên                   |
| 7.                   | Ngữ văn                | 01                        | Đại học chuyên ngành trở lên                   |
| <b>II. Nhân viên</b> |                        |                           |                                                |
| 8.                   | Kế toán                | 01                        | Đại học chuyên ngành Tài chính kế toán trở lên |
| 9.                   | Kỹ sư                  | 01                        | Đại học chuyên ngành Điện – Điện tử trở lên    |
| <b>TỔNG</b>          |                        | <b>10</b>                 |                                                |

## **2. Nguyên tắc tuyển dụng**

- Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện theo Nghị định số 29/2012/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP.

- Tuyển dụng viên chức được căn cứ vào nhu cầu theo khung vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đã được duyệt.

- Đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; đảm bảo tính cạnh tranh.

- Những trường hợp được tuyển chọn phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp cần tuyển.

- Người đăng ký dự tuyển chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm, nếu đăng ký dự tuyển từ 02 vị trí việc làm trở lên sẽ bị xóa tên trong danh sách dự tuyển hoặc hủy kết quả xét tuyển.

- Không thực hiện việc bảo lưu kết quả cho kỳ tuyển dụng lần sau.

- Không tiếp nhận các giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

## **3. Hội đồng tuyển dụng viên chức:**

Hội đồng tuyển dụng viên chức được thành lập và làm việc căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 6, Mục I, Chương II Nghị định số 29/2012/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP.

## **4. Điều kiện dự tuyển**

**4.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:**

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của Luật lao động hiện hành;
- Có Phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm dự tuyển;
- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.

## **4.2. Người dự tuyển vị trí việc làm giảng viên:**

- Có bằng tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành dự tuyển trở lên (theo danh mục nhu cầu tuyển dụng mục 1.4) và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giảng viên đại học, cao đẳng hoặc chứng chỉ sư phạm dạy nghề;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT; đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

#### **4.3. Người dự tuyển vị trí việc làm nhân viên:**

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

#### **4.4. Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức:**

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B.

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động.

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.

#### **5. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:**

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

#### **6. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng viên chức:**

Căn cứ Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP;

Xem xét tiếp nhận vào viên chức đối với các đối tượng, chỉ tiêu và quy trình cụ thể như sau:

##### **6.1. Đối tượng**

a. Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), gồm:

- Người ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường

xuân, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;

- Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu;

- Cán bộ, công chức cấp xã;

- Người đang làm việc tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

**b.** Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.

**c.** Trường hợp đã là viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

## **6.2. Chỉ tiêu xem xét tiếp nhận vào viên chức:**

Xem xét tiếp nhận **10% trên tổng số các trường hợp đăng ký** là trường hợp **đặc biệt** để công nhận vào viên chức trong tuyển dụng viên chức.

## **6.3. Quy trình xem xét tiếp nhận vào viên chức:**

Thực hiện theo hình thức tuyển dụng viên chức tại Mục 7 kế hoạch này.

## **7. Hình thức tuyển dụng**

Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển theo 2 vòng:

- **Vòng 1:** Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn tại Phiếu đăng ký dự tuyển, nếu phù hợp yêu cầu của vị trí việc làm thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- **Vòng 2:** Thực hành để kiểm tra năng lực về chuyên môn và nghiệp vụ giảng dạy của người dự tuyển (giảng viên) hoặc nghiệp vụ công tác (nhân viên); thời gian 45 phút.

## **8. Hồ sơ tuyển dụng:** Người dự tuyển chuẩn bị **02 bộ hồ sơ**, cụ thể:

**8.1. Bộ hồ sơ thứ nhất:** người dự tuyển **nộp khi đến tham dự vòng 1**, bộ hồ sơ sắp xếp theo thứ tự các thành phần gồm:

1. Phiếu đăng ký dự tuyển (*theo mẫu*): 02 bản;

2. Bản sao không công chứng của Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân xuất trình kèm bản chính để đối chiếu: 01 bản;

3. Bản sao không công chứng của các văn bằng chuyên môn, bảng điểm kết quả học tập toàn khóa, chứng chỉ Tin học, chứng chỉ Ngoại ngữ xuất trình kèm bản chính để đối chiếu: 01 bản.

Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tính pháp lý của văn bằng.

4. Bản sao không công chứng của các minh chứng và xuất trình kèm bản chính để đối chiếu chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có).

**8.2. Bộ hồ sơ thứ hai:** người dự tuyển **nộp tại trường** sau khi nhận được thông báo công nhận kết quả trúng tuyển, bộ hồ sơ sắp xếp theo thứ tự các thành phần gồm:

1. Bản chính thông báo công nhận kết quả trúng tuyển: 01 bản;
2. Bản sao Phiếu đăng ký dự tuyển: 01 bản;
3. Bản Sơ yếu lý lịch tự thuật (theo mẫu) có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã – phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ: 01 bản;
4. Bản sao không công chứng của Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân và sổ hộ khẩu thường trú xuất trình kèm bản chính để đối chiếu: 01 bản;
5. Bản sao không công chứng của các văn bằng chuyên môn, bảng điểm kết quả học tập toàn khóa, chứng chỉ Tin học, chứng chỉ Ngoại ngữ xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tính pháp lý của văn bằng.

6. Giấy chứng nhận sức khỏe có kết luận đủ sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe;

7. Bản sao công chứng Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có).

8. Bản sao công chứng các minh chứng thuộc trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng viên chức (nếu có).

***Đối với người trúng tuyển*** có quá trình công tác đúng với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển, có tham gia đóng BHXH trong các đơn vị trường công lập, dân lập, tự thực từ đủ 12 tháng trở lên thì bổ sung thành phần hồ sơ nộp để Nhà trường thực hiện hồ sơ đề nghị xem xét bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp diện miễn thực hiện tập sự, gồm:

- Bản sao không công chứng Quyết định nghỉ việc hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc; hợp đồng lao động kèm bản chính để đối chiếu;
- Sổ Bảo hiểm xã hội, tờ rời in rõ quá trình đóng BHXH có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội;
- Bản sao không công chứng Quyết định lương hiện hưởng khi nghỉ việc hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc kèm bản chính để đối chiếu.

### **8.3. Lưu ý:**

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc Nhà trường phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng chứng chỉ không đúng quy định sẽ bị thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, bị hủy kết quả trúng tuyển và không được đăng ký tuyển dụng trong kỳ tuyển dụng tiếp theo.

## 9. Quy trình, thời gian, địa điểm tổ chức tuyển dụng viên chức

Đề nghị người dự tuyển thường xuyên vào trang web của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh [lttc.edu.vn](http://lttc.edu.vn), mục **tuyển dụng** để xem và thực hiện quy trình thay đổi (nếu có) theo các nội dung thông báo mới nhất.

Người dự tuyển theo dõi và thực hiện tuân thủ theo các bước sau:

### Bước 1: Người dự tuyển đăng ký dự tuyển

- Thời gian đăng ký: trong giờ hành chính, dự kiến từ **thứ ba ngày 23/7/2019** đến hết **thứ Năm ngày 22/8/2019**.

- Địa chỉ đăng ký: **Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp**, Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh (số 390 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, TP. HCM).

Người dự tuyển **đem theo bản chính Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc Thẻ căn cước công dân (TCC)** đến đăng ký để nhận **Mã số đăng ký dự tuyển**.

**Lưu ý:** *Đích thân ứng viên phải đến đăng ký và chỉ giải quyết đăng ký một (01) lần với số CMND hoặc TCC.*

### Bước 2: Người dự tuyển điền thông tin đăng ký dự tuyển

Người dự tuyển sử dụng số **CMND** hoặc số **TCC** và **Mã số đăng ký dự tuyển** đã được cấp để **nhập đầy đủ các thông tin** vào Phiếu đăng ký dự tuyển và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin đăng ký dự xét tuyển. Nhà trường sẽ **không xem xét** cho người dự tuyển đăng ký **sau thứ Năm ngày 22/8/2019**.

**Thứ Sáu ngày 23/8/2019**, công bố danh sách người có đủ điều kiện dự tuyển kỳ xét tuyển viên chức năm học 2019 – 2020.

### Bước 3: Người dự tuyển tham dự xét tuyển vòng 1

- Thời gian: dự kiến **thứ Năm ngày 29/8/2019**.

- Địa điểm: Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh (số 390 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, TP. HCM).

Người dự tuyển đem theo **Bộ hồ sơ thứ nhất** đến để được kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn.

### Bước 4: Hội đồng tuyển dụng thông báo triệu tập thí sinh tham dự vòng 2

- Thời gian: dự kiến **thứ Tư ngày 04/9/2019**.

- Nơi đăng thông báo: niêm yết công khai tại **Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp** và đăng trên trang thông tin điện tử của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM; gửi tin nhắn thông báo triệu tập tham dự vòng 2 đến người dự tuyển theo số điện thoại người dự tuyển cung cấp.

### Bước 5: Người dự tuyển đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét tuyển vòng 2

- Thời gian: dự kiến **thứ Ba ngày 10/9/2019**.

- Địa điểm: Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh (số 390 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, TP. HCM).

Người dự tuyển đem theo bản chính CMND hoặc TCC, bút và các tài liệu cần thiết để tham dự xét tuyển vòng 2 kiểm tra năng lực về chuyên môn và nghiệp vụ giảng dạy của người dự tuyển (giảng viên) hoặc nghiệp vụ công tác (nhân viên).

#### **Bước 6: Hội đồng tuyển dụng niêm yết và thông báo kết quả xét tuyển viên chức**

- Thời gian: dự kiến thứ Tư ngày 25/9/2019.
- Nơi đăng thông báo: niêm yết công khai tại **Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp** và đăng trên trang thông tin điện tử của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM; gửi tin nhắn thông báo kết quả xét tuyển viên chức đến người dự tuyển theo số điện thoại người dự tuyển cung cấp.

#### **Bước 7: Gửi hồ sơ đề nghị thỏa thuận phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức**

- Người dự tuyển (dự kiến trúng tuyển) nộp **Bộ hồ sơ thứ hai** để trường gửi kèm hồ sơ tuyển dụng về Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh hoàn tất hồ sơ, công văn đề nghị thỏa thuận phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức về Sở Giáo dục và Đào tạo.

#### **Bước 8: Người trúng tuyển đến nhận thông báo công nhận kết quả trúng tuyển và nhận nhiệm sở**

- Thời gian: dự kiến thứ Sáu ngày 25/10/2019.
- Địa điểm: Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp, Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng và tại đơn vị người trúng tuyển được phân công trong thông báo công nhận kết quả trúng tuyển.

#### **Bước 9. Đơn vị tiếp nhận người trúng tuyển đến nhận nhiệm sở**

Ngay sau khi người dự tuyển đến đơn vị được phân công nhiệm sở, Trường đơn vị thực hiện các việc sau:

- Tiếp nhận người trúng tuyển và phân công công tác dự kiến từ **ngày 01/11/2019**.
- Báo cáo với Hiệu trưởng về việc phân công công tác đối với người trúng tuyển và phân công người hướng dẫn thử việc (nếu có).
- Nhà trường thực hiện ký hợp đồng làm việc theo quy định.

Trên đây là thông báo tuyển dụng viên chức năm học 2019 – 2020 (đợt 1) của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ tình hình thực tế Nhà trường có thể sẽ có những điều chỉnh bằng văn bản để phù hợp với tình hình công tác tuyển dụng theo quy định hiện hành./. *Te*

#### **Nơi nhận:**

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các đơn vị trực thuộc trường;
- Lưu: VT, TC-HC-TH.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Hữu Lộc**

## Phụ lục LƯU Ý VỀ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC

### 1. Đối với trình độ Ngoại ngữ:

- Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C;
- Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chương trình Giáo dục thường xuyên về Tiếng Anh thực hành.
- Căn cứ theo quy định của Cambridge từ tháng 11 năm 2011;
- Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Căn cứ công văn số 6089/BGDĐT-GDTrX ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phúc đáp CV số 4453/BNV-CCVC;

Việc quy đổi chức chỉ ngoại ngữ thực hiện như sau:

| Khung<br>NLNN 6<br>bậc VN<br>(TT<br>01/2014/T<br>T-BGDĐT | Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Tiếng Anh) |                                     |         |                    |                         |            |       |     |     |       |
|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------|--------------------|-------------------------|------------|-------|-----|-----|-------|
|                                                          | CC<br>Tiếng<br>Anh<br>theo QĐ<br>177                             | CC<br>Tiếng<br>Anh<br>theo<br>QĐ 66 | IELTS   | GE                 | BEC                     | BULA<br>TS | TOEFL |     |     | TOEIC |
|                                                          |                                                                  |                                     |         |                    |                         |            | PBT   | CBT | iBT |       |
| Bậc 1                                                    | Trình độ<br>A                                                    | A1                                  |         |                    |                         |            |       |     |     | 120   |
| Bậc 2                                                    | Trình độ<br>B                                                    | A2                                  |         | Preliminary<br>KET |                         | 20         |       |     | 40  | 225   |
| Bậc 3                                                    | Trình độ<br>C                                                    | B1                                  | 4 - 4.5 | Preliminary<br>PET | Business<br>Preliminary | 40         | 450   | 133 | 45  | 450   |
| Bậc 4                                                    |                                                                  | B2                                  | 5 – 6   | FCE                | Business<br>Vantage     | 60         | 500   | 173 | 61  | 600   |
| Bậc 5                                                    |                                                                  | C1                                  | 6.5-7.5 | CAE                | Business<br>Higher      | 75         |       |     | 90  | 850   |
| Bậc 6                                                    |                                                                  | C2                                  | 8-9     | CPE                |                         | 90         |       |     |     |       |

| Khung<br>NLNN 6<br>bậc | Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác) |            |                        |             |            |             |
|------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------|------------------------|-------------|------------|-------------|
|                        | Tiếng Nga                                                             | Tiếng Pháp | Tiếng Đức              | Tiếng Trung | Tiếng Nhật | Tiếng Hàn   |
| Bậc 1                  | TEU                                                                   | DELFA1     | A1                     | HSK cấp 1   | JLPT N5    | Topik I-L1  |
| Bậc 2                  | TBU                                                                   | DELFA2     | A2                     | HSK cấp 2   |            | Topik I-L2  |
| Bậc 3                  | TRKI I                                                                | DELFB1     | B1 ZD                  | HSK cấp 3   | JLPT N4    | Topik II-L3 |
| Bậc 4                  | TRKI II                                                               | DELFB2     | B2 test DaF<br>level 4 | HSK cấp 4   | JLPT N3    | Topik II-L4 |
| Bậc 5                  | TRKI III                                                              | DALF C1    |                        | HSK cấp 5   | JLPT N2    | Topik II-L5 |
| Bậc 6                  | TRKI IV                                                               | DALF C2    |                        | HSK cấp 6   | JLPT N1    | Topik II-L6 |

Riêng các Chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, căn cứ công văn số 538/QLCL-QLVBCC ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Cục

Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo danh sách các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (viết tắt là công văn số 538/QLCL-QLVBCC), tính đến ngày 20/5/2019 chỉ công nhận Chứng chỉ được cấp từ 08 đơn vị sau:

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                         |
|-----|----------------------------------------------------|
| 1   | Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 2   | Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng         |
| 3   | Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Huế             |
| 4   | Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh       |
| 5   | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội                      |
| 6   | Trường Đại học Hà Nội                              |
| 7   | Trường Đại học Thái Nguyên                         |
| 8   | Trường Đại học Cần Thơ                             |

## 2. Đối với chứng chỉ Tin học:

- Căn cứ công văn số 2819/BTTTT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ thông tin và truyền thông về việc công nhận bài thi tin học văn phòng quốc tế phù hợp yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT công nhận “bài thi IC3 đáp ứng yêu cầu của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản”.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin quy định: “các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản”; căn cứ công văn số 6078/BGDĐT-GDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT quy định: “Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dừng việc cấp phối chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C từ ngày 15 tháng 12 năm 2016”. Vậy chứng chỉ tin học A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì được công nhận là tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản.

- Căn cứ công văn số 538/QLCL-QLVBCC tính đến ngày 20/5/2019 chỉ công nhận chứng chỉ Ứng dụng CNTT được cấp từ 176 đơn vị sau:

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                                            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|
| 1   | Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội                    |
| 2   | Viện Quốc tế Pháp ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội                       |
| 3   | Viện Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia Hà Nội                    |
| 4   | Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh   |
| 5   | Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh           |
| 6   | Trường Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh |
| 7   | Trung tâm Công nghệ thông tin - Đại học Thái Nguyên                   |
| 8   | Trường Đại học Công nghệ thông tin truyền thông - Đại học Thái Nguyên |
| 9   | Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên                         |
| 10  | Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên                         |
| 11  | Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên                          |
| 12  | Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên   |
| 13  | Trung tâm Phát triển phần mềm - Đại học Đà Nẵng                       |
| 14  | Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng                              |
| 15  | Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế                                 |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                                 |
|-----|------------------------------------------------------------|
| 16  | Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế                       |
| 17  | Trường Đại học Trà Vinh                                    |
| 18  | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội                              |
| 19  | Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội                               |
| 20  | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh             |
| 21  | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh                       |
| 22  | Trường Đại học Công nghệ Quản lý Hữu nghị                  |
| 23  | Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh               |
| 24  | Viện Đại học Mở Hà Nội                                     |
| 25  | Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang                          |
| 26  | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên                   |
| 27  | Trường Đại học Cần Thơ                                     |
| 28  | Trường Đại học Vinh                                        |
| 29  | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                            |
| 30  | Trường Đại học Tôn Đức Thắng                               |
| 31  | Trường Đại học Hòa Bình                                    |
| 32  | Trường Đại học Lạc Hồng                                    |
| 33  | Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh           |
| 34  | Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh               |
| 35  | Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 36  | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2                            |
| 37  | Trường Đại học Tiền Giang                                  |
| 38  | Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An                 |
| 39  | Trường Đại học Tây Bắc                                     |
| 40  | Trường Đại học Nội vụ                                      |
| 41  | Trường Đại học Tây Nguyên                                  |
| 42  | Trường Đại học Xây dựng Miền Tây                           |
| 43  | Trường Đại học Nha Trang                                   |
| 44  | Học viện An ninh nhân dân                                  |
| 45  | Học viện Cảnh sát nhân dân                                 |
| 46  | Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội                          |
| 47  | Trường Đại học An Giang                                    |
| 48  | Trường Đại học Thủ Dầu Một                                 |
| 49  | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh      |
| 50  | Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh    |
| 51  | Trường Đại học Thái Bình                                   |
| 52  | Trường Đại học Xây dựng Miền Trung                         |
| 53  | Trường Đại học Bách khoa Hà Nội                            |
| 54  | Trường Đại học Nam Cần Thơ                                 |
| 55  | Trường Đại học Hoa Lư                                      |
| 56  | Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông                    |
| 57  | Trường Đại học Hùng Vương                                  |
| 58  | Trường Đại học Phan Thiết                                  |
| 59  | Trường Đại học Trưng Vương                                 |
| 60  | Trường Đại học Hà Tĩnh                                     |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                                 |
|-----|------------------------------------------------------------|
| 61  | Trường Đại học Thành Đông                                  |
| 62  | Trường Đại học Tài chính Marketing                         |
| 63  | Trường Đại học Thái Bình Dương                             |
| 64  | Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ                  |
| 65  | Trường Đại học Sài Gòn                                     |
| 66  | Trường Đại học Hàng hải Việt Nam                           |
| 67  | Cục Tin học hóa (Bộ Thông tin và Truyền thông)             |
| 68  | Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội              |
| 69  | Trường Đại học Bạc Liêu                                    |
| 70  | Trường Đại học Lâm nghiệp (Phân hiệu Đồng Nai)             |
| 71  | Trường Đại học Đông Đô                                     |
| 72  | Trường Đại học Kiên Giang                                  |
| 73  | Trường Đại học Phạm Văn Đồng                               |
| 74  | Trường Đại học An ninh nhân dân                            |
| 75  | Trường Đại học Nguyễn Tất Thành                            |
| 76  | Trường Đại học Công nghệ Vạn Xuân                          |
| 77  | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long                  |
| 78  | Trường Đại học Thủy lợi                                    |
| 79  | Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh             |
| 80  | Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh                    |
| 81  | Trường Đại học Duy Tân                                     |
| 82  | Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải                |
| 83  | Trường Đại học Tân Trào                                    |
| 84  | Trường Đại học Buôn Ma Thuột                               |
| 85  | Trường Đại học Kinh tế Nghệ An                             |
| 86  | Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh              |
| 87  | Trường Đại học Phú Yên                                     |
| 88  | Trường Đại học Tây Đô                                      |
| 89  | Trường Đại học Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh |
| 90  | Trường Đại học Quy Nhơn                                    |
| 91  | Trường Đại học Trần Đại Nghĩa                              |
| 92  | Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh                  |
| 93  | Học viện Quản lý Giáo dục                                  |
| 94  | Trường Đại học Thông tin liên lạc                          |
| 95  | Trường Đại học Nông lâm Huế                                |
| 96  | Trường Đại học Lao động xã hội (cơ sở 2)                   |
| 97  | Trường Đại học Cửu Long                                    |
| 98  | Học viện Báo chí và Tuyên truyền                           |
| 99  | Trường Đại học Đại Nam                                     |
| 100 | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội             |
| 101 | Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng                    |
| 102 | Trường Đại học Đồng Nai                                    |
| 103 | Trường Đại học Thương mại                                  |
| 104 | Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì                        |
| 105 | Trường Đại học Công nghiệp Vinh                            |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                                    |
|-----|---------------------------------------------------------------|
| 106 | Trường Đại học Công đoàn                                      |
| 107 | Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội                               |
| 108 | Trường Đại học Khánh Hòa                                      |
| 109 | Học viện Ngân hàng                                            |
| 110 | Trường Đại học Lâm nghiệp                                     |
| 111 | Trường Đại học Hạ Long                                        |
| 112 | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định                      |
| 113 | Trường Đại học Đồng Tháp                                      |
| 114 | Học viện Tài chính                                            |
| 115 | Trường Đại học Y Dược Thái Bình                               |
| 116 | Trường Đại học Đà Lạt                                         |
| 117 | Học viện Kỹ thuật Quân sự                                     |
| 118 | Trường Đại học Quốc tế Bắc Hà                                 |
| 119 | Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh                      |
| 120 | Trường Đại học Văn hóa, thể thao và du lịch Thanh Hóa         |
| 121 | Học viện Bưu chính viễn thông cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh |
| 122 | Trường Đại học Văn Hiến                                       |
| 123 | Trường Đại học Hải Phòng                                      |
| 124 | Trường Đại học Bình Dương                                     |
| 125 | Trường Đại học Kinh tế tài chính Thành phố Hồ Chí Minh        |
| 126 | Trường Đại học Luật Hà Nội                                    |
| 127 | Trường Đại học Hồng Đức                                       |
| 128 | Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh                |
| 129 | Trường Đại học Nguyễn Trãi                                    |
| 130 | Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên                               |
| 131 | Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị                              |
| 132 | Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình                             |
| 133 | Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương                              |
| 134 | Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình                              |
| 135 | Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long                              |
| 136 | Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội                                 |
| 137 | Sở Giáo dục và Đào tạo Hậu Giang                              |
| 138 | Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh                               |
| 139 | Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận                             |
| 140 | Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước                             |
| 141 | Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa - Vũng Tàu                      |
| 142 | Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên                            |
| 143 | Sở Giáo dục và Đào tạo Cần Thơ                                |
| 144 | Sở Giáo dục và Đào tạo Cà Mau                                 |
| 145 | Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu                               |
| 146 | Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định                              |
| 147 | Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ                                |
| 148 | Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang                             |
| 149 | Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi                             |
| 150 | Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái                                |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                   |
|-----|----------------------------------------------|
| 151 | Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn              |
| 152 | Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên               |
| 153 | Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế        |
| 154 | Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai               |
| 155 | Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An               |
| 156 | Sở Giáo dục và Đào tạo Đà Nẵng               |
| 157 | Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông              |
| 158 | Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh |
| 159 | Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình              |
| 160 | Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc             |
| 161 | Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng              |
| 162 | Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang             |
| 163 | Sở Giáo dục và Đào tạo Long An               |
| 164 | Sở Giáo dục và Đào tạo ĐắkLak                |
| 165 | Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang            |
| 166 | Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp             |
| 167 | Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum               |
| 168 | Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình             |
| 169 | Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai               |
| 170 | Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên             |
| 171 | Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương            |
| 172 | Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh            |
| 173 | Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng             |
| 174 | Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La                |
| 175 | Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa             |
| 176 | Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam             |